

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Học kỳ Hè, 2005
(01/8/2005 - 31/8/2005)

Nguyên lý kế toán

CÁC NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CỦA KẾ TOÁN

Các nguyên tắc (khái niệm) căn bản của kế toán được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn và từ sự nghiên cứu khoa học, được chấp nhận rộng rãi thông qua các tổ chức nghề nghiệp trên thế giới.

1. Nguyên tắc cân đối (*dual-aspect concept*)

Còn gọi là “nguyên tắc kế toán kép” hay “nguyên tắc tính hai mặt”. Nguyên tắc này quy định rằng mọi **tài sản** của một tổ chức đều được giải thích bởi các **nguồn hình thành** lên tài sản. Nguồn hình thành lên tài sản có thể từ vốn của chủ sở hữu hoặc do mua chịu hay vay mượn – tức các khoản nợ phải trả (nghĩa vụ nợ).

Đăng thức căn bản của kế toán là:

$$\begin{aligned} \text{TÀI SẢN} &= \text{NỢ PHẢI TRẢ} + \text{VỐN CHỦ SỞ HỮU} \\ \text{(Assets)} &= \text{(Liabilities)} + \text{(Equity)} \end{aligned}$$

Hoặc ta có thể viết lại đăng thức trên như sau:

$$\begin{aligned} \text{VỐN CHỦ SỞ HỮU} &= \text{TÀI SẢN} - \text{NỢ PHẢI TRẢ} \\ \text{(Equity)} &= \text{(Assets)} - \text{(Liabilities)} \end{aligned}$$

Ở cách viết này, ngụ ý rằng trừ các khoản nợ phải trả, phần tài sản còn lại là của chủ sở hữu.

Ví dụ:

Anh Thanh quyết định bỏ vốn ra để lập công ty làm ăn, công ty Thanh Thủy. Anh ta có vốn sở hữu của anh ta là 400 triệu đồng tiền mặt. Để tiến hành công việc kinh doanh, anh mua một xe hơi (tài sản cố định) trị giá là 150 triệu đồng, nhưng anh được người bán xe cho nợ lại 50% (là 75 triệu đồng). Anh Thanh còn dùng tiền mua một lô hàng hóa về để chuẩn bị bán, trị giá 300 triệu đồng. Sau khi mua xe hơi và lô hàng, anh còn lại 25 triệu đồng tiền mặt.

Như vậy, công ty Thanh Thủy có một **tài sản** tổng trị giá là 475 triệu đồng, gồm: một xe hơi: 150 triệu; một lô hàng: 300 triệu và 25 triệu đồng tiền mặt.

Nguồn hình thành lên tài sản 475 triệu đồng trên được giải thích từ 400 triệu đồng vốn của anh Thanh và một khoản nợ mà công ty Thanh Thủy có trách nhiệm phải trả cho người bán xe: 75 triệu đồng.

Nếu đặt tài sản và nguồn hình thành ở hai bên riêng biệt, ta có bảng cân đối kế toán khái quát như sau:

Tài sản	<i>Số tiền</i>	Nguồn hình thành tài sản (nguồn vốn)	<i>Số tiền</i>
1. Tiền mặt	25.000.000	1. Khoản nợ phải trả	75.000.000
2. Hàng hóa	300.000.000	2. Nguồn vốn chủ sở hữu	400.000.000
3. Xe hơi	150.000.000		
Tổng cộng tài sản	475.000.000	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	475.000.000

Theo diễn giải qua ví dụ trên, tài sản luôn bằng với nguồn vốn, hay nói cách khác **Tổng tài sản luôn bằng với Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu**.

Khi một tài sản nào đó tăng lên thì sẽ có một tài sản khác giảm đi tương ứng. Ví dụ dùng tiền mặt để mua hàng hóa mang về nhập kho sẽ làm cho tài sản tiền mặt giảm đi và làm cho tài sản hàng hóa tăng lên. *Kế toán ghi chép đồng thời trên cả 2 tài khoản*: tiền mặt và hàng hóa. Phương pháp ghi chép như vậy được gọi là **ghi sổ kép**.

Sự Biến Đổi Của Bảng Cân Đối Kế Toán Và Phương Pháp Ghi Sổ Kép

Trường hợp 1:

Tài sản tăng – Tài sản giảm (tăng giảm cùng bên tài sản)

Ví dụ: Dùng tiền mặt mua 5 triệu đồng hàng hóa nhập kho.

Giao dịch kinh tế phát sinh này làm tăng tài sản “hàng hóa” 5 triệu đồng, là giảm tài sản “tiền mặt” 5 triệu đồng.

Trường hợp 2:

Nguồn vốn tăng – Nguồn vốn giảm (tăng giảm cùng bên nguồn vốn)

Ví dụ: Vay ngân hàng để trả người bán 10 triệu đồng.

Giao dịch kinh tế này làm tăng “khoản nợ phải trả ngân hàng” 10 triệu đồng, làm giảm “khoản nợ phải trả người bán” 10 triệu đồng.

Trường hợp 3:

Tài sản tăng – Nguồn vốn tăng (cả 2 bên cùng tăng)

Ví dụ: Mua hàng hóa nhập kho 15 triệu đồng, tiền chưa trả người bán.

Giao dịch này làm tăng tài sản “hàng hóa” 15 triệu đồng, và làm tăng “khoản nợ phải trả người bán” 15 triệu.

Trường hợp 4:

Tài sản giảm – Nguồn vốn giảm (cả 2 bên cùng giảm)

Ví dụ: Dùng tiền mặt trả nợ người bán 3 triệu đồng.

Giao dịch này làm giảm tài sản “tiền mặt” 3 triệu đồng, và làm giảm “khoản nợ phải trả người bán” 3 triệu đồng.

Về tổng quát, bảng cân đối kế toán chỉ thay đổi với 4 trường hợp trên.

2. Nguyên tắc thước đo bằng tiền (*money-measurement concept*)

Theo nguyên tắc này, mọi tài sản và nguồn hình thành lên tài sản đều phải được thể hiện giá trị bằng tiền. Chúng ta có một lô tài sản gồm có: 1 tivi, 1 xe gắn máy, 50 kg gạo, 4 con gà, 5 lít rượu ngon ..., chúng ta **không thể cộng** chúng lại được vì chúng không có cùng đơn vị đo lường. Chúng chỉ **có thể cộng** lại được nếu chúng được thể hiện thước đo giá trị bằng tiền.

Tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
- Tivi	<i>Cái</i>	1	2.200.000	2.200.000
- Xe gắn máy	<i>Chiếc</i>	1	13.500.000	13.500.000
- Gạo	<i>Kg</i>	50	5.000	250.000
- Gà	<i>Con</i>	4	20.000	80.000
- Rượu ngon	<i>Lít</i>	5	4.800	24.000
Tổng cộng				16.054.000

3. Nguyên tắc đơn vị hạch toán (*entity concept*)

Về mặt kế toán, mỗi đơn vị doanh nghiệp được xem là một tổ chức độc lập với các doanh nghiệp khác và đặc biệt là độc lập với chủ sở hữu. Hạch toán kế toán được thiết lập cho đơn vị chứ không phải cho chủ sở hữu.

Ti như anh Thanh là chủ công ty Thanh Thủy trên đây, nếu một ngày đẹp trời nào đó anh Thanh lấy ra từ công ty một số tiền là 5 triệu đồng để đi chơi ở Hà Nội, số tiền đó phải được ghi chép vào sổ sách là một khoản giảm tài sản "tiền mặt" và giảm nguồn vốn "chủ sở hữu".

4. Nguyên tắc hoạt động liên tục (*going-concern concept*)

Về mặt kế toán, một công ty được giả định là tiếp tục hoạt động từ năm này qua năm khác trừ phi có những bằng chứng cụ thể về việc phá sản hay ngừng hoạt động. Những ghi chép sổ sách kế toán đều dựa vào giả định này.

5. Nguyên tắc giá gốc (*cost concept*)

Hay còn gọi là nguyên tắc giá thành hay giá phí lịch sử (*historical cost concept*). Theo nguyên tắc này, kế toán ghi chép giá trị tài sản theo giá gốc chứ không quan tâm tới giá thị trường của chúng. Tại sao như vậy? Vì việc xác định giá thị trường cho từng loại tài sản rất khó khăn. Mặt khác, tài sản của công ty sẽ được tiếp tục sử dụng cho các hoạt động của mình trong tương lai chứ không có ý định bán đi hay thanh lý để giải thể (*nguyên tắc hoạt động liên tục*).

Giá thị trường của một tài sản cũng chỉ là ước đoán nên dễ chủ quan. Vì trên thực tế, nó không được thực sự mang ra thị trường để bán. Và có ai sẵn sàng trả cho nó một số tiền đâu? Nếu công ty mua một tài sản là 1 ngôi nhà để làm văn phòng trị giá là 200 triệu đồng thì giá trị ngôi nhà được ghi trên sổ sách là 200 triệu đồng. Giá thị trường của ngôi nhà sau 1 năm ước đoán lên đến 300 triệu đồng, 6 tháng sau nữa do tình hình qui hoạch nào đó giá ngôi nhà ước đoán chỉ chừng 100 triệu đồng. Kế toán không quan tâm đến việc thay đổi giá cả thị trường đó. Trừ khi ngôi nhà được đem đi bán thực sự hoặc mang đi góp vốn liên doanh, giá ngôi nhà trên sổ sách kế toán vẫn là 200 triệu đồng.

Vì vậy, giá trị sổ sách (book value) của tài sản khác với giá trị thị trường (market value) của tài sản đó. Ngoại trừ vài tài sản cụ thể thì có sự thống nhất, ví dụ như tiền mặt.

6. Nguyên tắc thận trọng (conservatism concept)

Còn gọi là “nguyên tắc bảo thủ”. Theo nguyên tắc này, kế toán sẽ công nhận một khoản “lỗ” hay giảm vốn ngay khi nó được nghĩ rằng có thể xảy ra (possible) nhưng chỉ công nhận một khoản “lãi” hay tăng vốn khi nó đã trở thành chắc chắn (certain).

7. Nguyên tắc trọng yếu (materiality concept)

Còn gọi là nguyên tắc mang tính vật chất. Theo nguyên tắc này, kế toán chỉ theo dõi và công khai (disclose) những việc được xem là quan trọng (important matters) và sẵn sàng bỏ qua, không quan tâm đến (disregard) những sự việc được coi là không quan trọng (unimportant matters).

Ví dụ công ty xuất kho một công cụ lao động để sử dụng ở phân xưởng sản xuất trị giá 50 ngàn đồng, kế toán sẽ ghi nhận chi phí sản xuất vào thời điểm xuất kho là 50 ngàn đồng. Mỗi ngày sử dụng, công cụ đó chắc chắn bị hao mòn đi một phần nhưng kế toán sẽ không theo dõi và ghi vào sổ sách phần hao mòn đó. Trong thực tế việc theo dõi, đánh giá và ghi chép phần hao mòn đó là việc không thể. Cho rằng đó là việc “vụn vặt” (trivial), không trọng yếu và kế toán bỏ qua. Nhưng nếu một tài sản cố định hay một lô hàng hóa nào đó được phát hiện là không còn giá trị, không thể sử dụng được nữa kế toán sẽ công khai vấn đề quan trọng này.

Mặt khác, đối với một công cụ lao động có giá trị lớn và có thể sử dụng trong nhiều thời kỳ, để tránh biến động chi phí và ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo giữa các thời kỳ, giá trị công cụ lao động đó sẽ được “phân bổ” cho nhiều kỳ¹.

8. Nguyên tắc thực tế (realization concept)

Còn gọi là nguyên tắc có thể thực hiện. Theo nguyên tắc này, doanh thu được ghi nhận vào lúc việc giao nhận hàng hóa hay một dịch vụ đã hoàn tất chứ không phải là thời điểm sản xuất hoàn thành hay thời điểm thanh toán tiền.

Đây chính là cơ sở kế toán theo thực thể phát sinh (accrual accounting)².

Theo đó, sự thay đổi trong **doanh thu và chi phí** sẽ tạo ra thu nhập (lãi hoặc lỗ), tức sẽ làm ảnh hưởng (tăng thêm hay giảm đi) đến **vốn chủ sở hữu** (phía bên phải của bảng cân đối), còn sự thay đổi trong **tiền mặt** sẽ làm ảnh hưởng (tăng thêm hay giảm đi) đến **tài sản** (phía bên trái của bảng cân đối).

Ví dụ: Trong tháng 6/2001 Công ty may mặc Model sản xuất hoàn thành một lô hàng quần áo trị giá 20 triệu đồng nhập kho chờ bán.

Ngày 15/7/2001, công ty ký hợp đồng số 43/HĐ, bán lô hàng quần áo trên cho Cửa hàng thời trang Young theo giá thỏa thuận là 26 triệu đồng.

Ngày 6/8/2001, lô hàng được giao cho cửa hàng Young nhưng Công ty Model cho Cửa hàng Young nợ lại với thời hạn là 1 tháng.

¹ Kỳ kinh doanh hay kỳ kế toán là một giai đoạn thời gian của một báo cáo thu nhập (**Income statement**). Đó có thể là tháng, quý, 6 tháng hay thường là một năm.

² Ngược với cơ sở kế toán theo tiền mặt (cash accounting).

Ngày 6/9/2001, Công ty Model nhận được “Giấy báo Có” của ngân hàng ACB – nơi mà công ty mở tài khoản để giao dịch, số tiền 26 triệu đồng với nội dung “Cửa hàng Young thanh toán tiền hàng theo hợp đồng số 43/HĐ”.

Doanh thu sẽ được ghi nhận vào tháng 8/2001.

9. Nguyên tắc phù hợp (*matching concept*)

Chênh lệch của doanh thu và chi phí trong một kỳ kinh doanh là lợi nhuận của kỳ kinh doanh đó. Nguyên tắc này đòi hỏi rằng chi phí phải được phản ánh cho *phù hợp* với doanh thu trong từng kỳ kinh doanh cụ thể.

Ví dụ, vào đầu tháng 6/2001, công ty mua một lô hàng trị giá 10 triệu đồng mang về nhập kho và đã trả bằng tiền mặt. Nếu trong tháng 6/2001, lô hàng vẫn chưa được bán thì chúng chỉ được coi là tài sản của công ty nằm trong kho, không được xem là chi phí của tháng 6/2001. Đến tháng 7/2001, ba phần tư (3/4) lô hàng được bán ra với giá 12 triệu đồng. Lúc này, kế toán ghi nhận doanh thu của tháng 7/2001 là 12 triệu đồng và đồng thời ghi nhận chi phí (chi phí của hàng đã bán, còn quen gọi là **giá vốn hàng bán**) là 7,5 triệu đồng cho tháng 8/2001 để *phù hợp* với doanh thu trong kỳ.

Như vậy, lãi gộp (= doanh thu - chi phí) là: 4,5 triệu (= 12 - 7,5 triệu).

Tháng 6/2001, công ty đã **chi tiêu** 10 triệu đồng để mua hàng nhưng đó không phải là **chi phí**³ của tháng 6. Cho đến tháng 7, trong 10 triệu mua hàng cũng chỉ mới có 7,5 triệu đồng trở thành chi phí của tháng 7, một phần tư (1/4) còn lại là 2,5 triệu đồng hàng tồn kho vẫn là tài sản, chưa trở thành chi phí⁴ trong kỳ.

³ “Chi phí đến lúc” (Expired cost)

⁴ “Chi phí chưa đến lúc” (Unexpired cost).